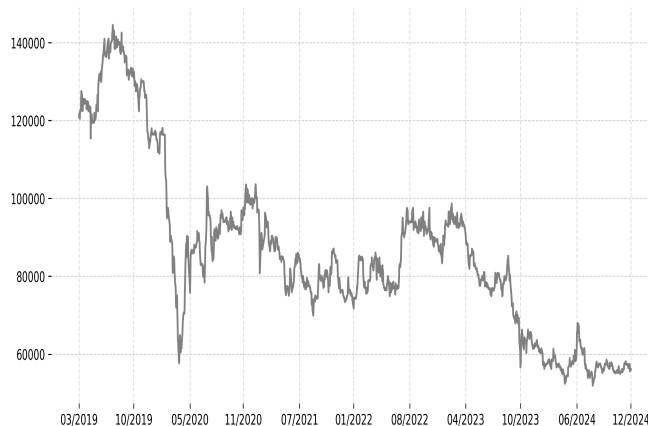


Tên công ty: SABECO
Mã cổ phiếu: SAB
Sàn giao dịch: HOSE
Ngành: Thực phẩm và đồ uống

Phân tích kỹ thuật

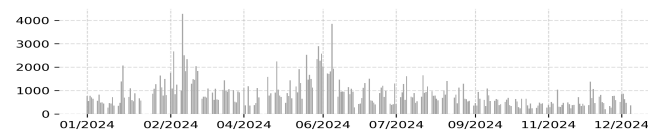
Giá cổ phiếu dài hạn



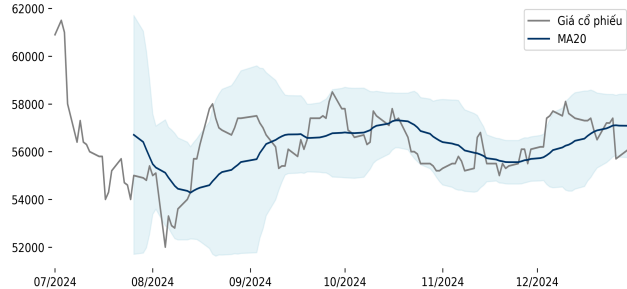
Giá cổ phiếu 1 năm



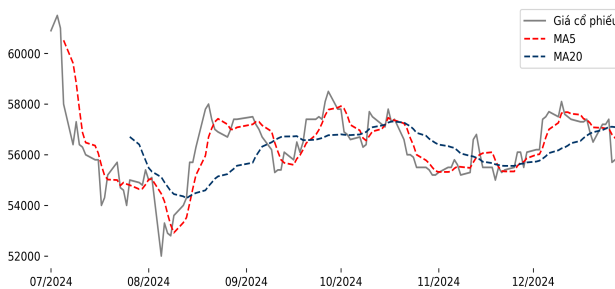
KLGD 1 năm



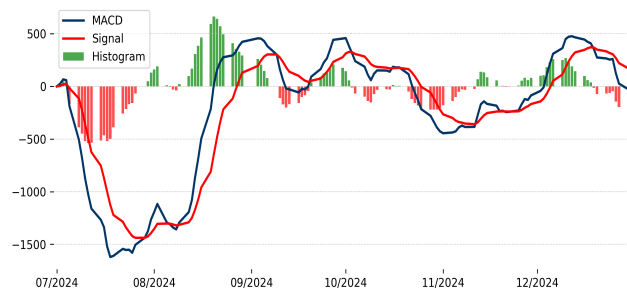
Giá & Bollinger Bands



Giá & MA(5) & MA(20)



MACD



RSI (Relative Strength Index)

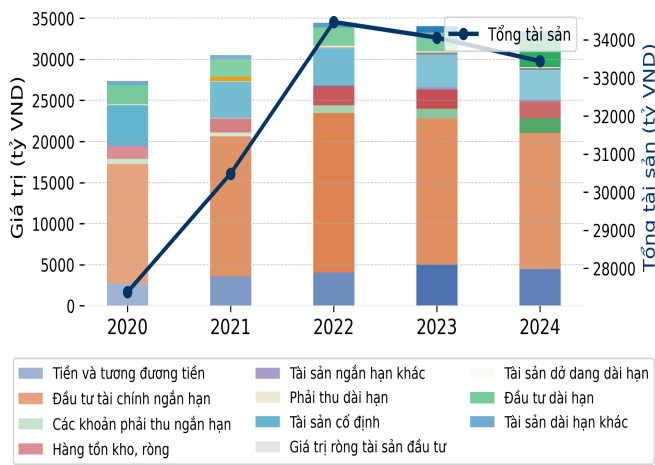


Dựa trên dữ liệu cung cấp, báo cáo này phân tích xu hướng giá cổ phiếu trong ngắn hạn (1 năm) và dài hạn (2019-2024). Trong ngắn hạn, giá cổ phiếu có xu hướng giảm, đặc biệt từ giữa năm 2024, cho thấy sự suy yếu. Các yếu tố tác động có thể bao gồm điều kiện thị trường chung không thuận lợi hoặc các vấn đề nội tại của doanh nghiệp.

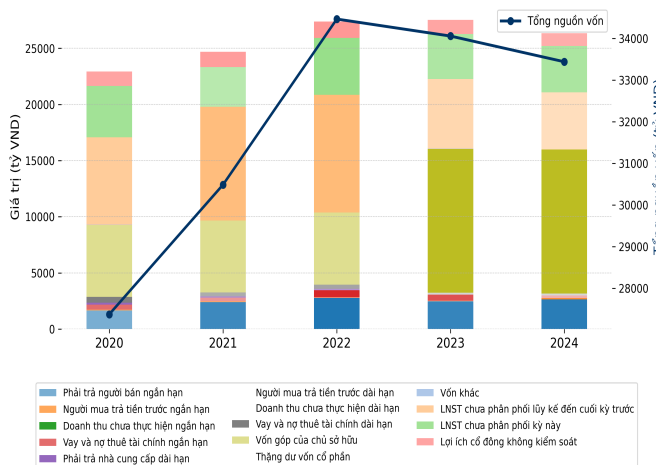
Trong dài hạn, từ 2019 đến 2024, giá cổ phiếu trải qua nhiều biến động, đạt đỉnh vào giữa năm 2019 và sau đó giảm mạnh vào năm 2020, có thể do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Sau đó, giá phục hồi một phần nhưng không đạt được mức đỉnh ban đầu và tiếp tục giảm. Khối lượng giao dịch biến động không đều, không cho thấy mối tương quan rõ ràng với biến động giá. Tiềm năng phát triển dài hạn có vẻ hạn chế nếu không có sự thay đổi đáng kể trong chiến lược hoặc điều kiện thị trường.

Phân tích Bảng cân đối kế toán

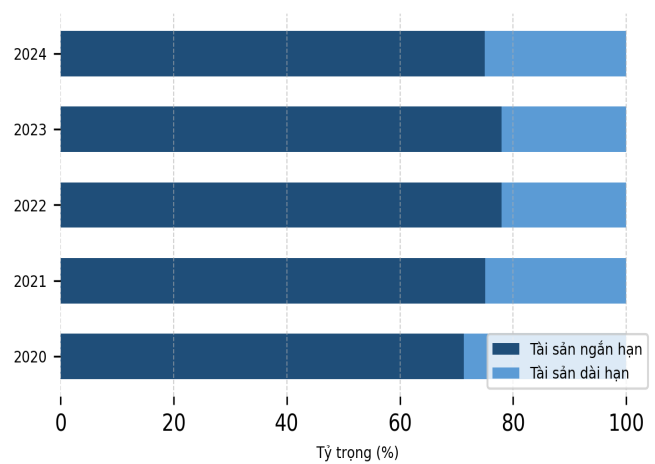
Cấu trúc tài sản và Tổng tài sản



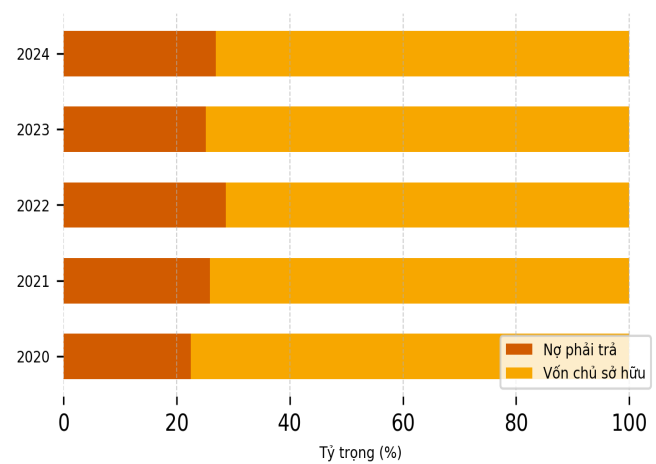
Cấu trúc nguồn vốn và Tổng nguồn vốn



Tỷ trọng tài sản



Tỷ trọng nguồn vốn



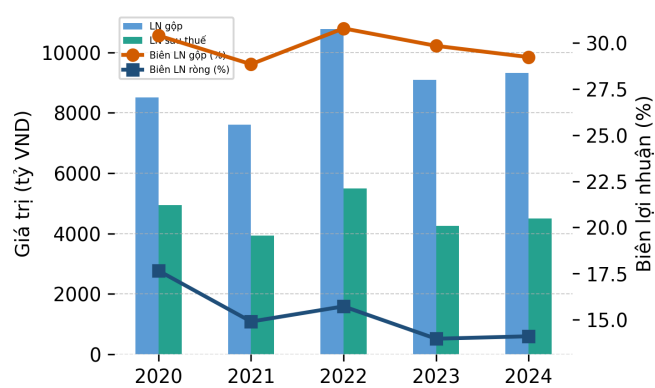
	2020	2021	2022	2023	2024
Vốn chủ sở hữu	21215.28	22594.79	24590.85	25485.16	24437.09
Tài sản cố định	4874.5	4401.8	4454.98	3969.72	3593.25
Tổng cộng tài sản	27374.97	30487.02	34465.08	34056.62	33439.41
Tài sản ngắn hạn	19513.38	22877.03	26860.22	26553.41	25066.73
Nợ ngắn hạn	5173.04	7258.02	9213.86	8224.61	8657.14
Nợ phải trả	6159.7	7892.24	9874.23	8571.47	9002.31
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	526.26	341.23	374.43	170.83	169.44

Báo cáo này phân tích sự biến động trong cấu trúc tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp từ 2020 đến 2024. Vốn chủ sở hữu tăng trưởng từ 21,215.28 (2020) lên 25,485.16 (2023), sau đó giảm xuống 24,437.09 (2024), cho thấy dấu hiệu suy giảm khả năng tích lũy lợi nhuận hoặc có thể do chính sách chi trả cổ tức. Tổng tài sản tăng liên tục từ 27,374.97 (2020) lên 34,465.08 (2022), nhưng sau đó giảm xuống 33,439.41 (2024), phản ánh sự điều chỉnh trong quy mô hoạt động hoặc tái cơ cấu tài sản. Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, cho thấy doanh nghiệp tập trung vào các hoạt động ngắn hạn. Nợ phải trả biến động không đều, đạt đỉnh 9,874.23 (2022) và giảm xuống 9,002.31 (2024), cho thấy doanh nghiệp có thể đã thực hiện các biện pháp để kiểm soát nợ.

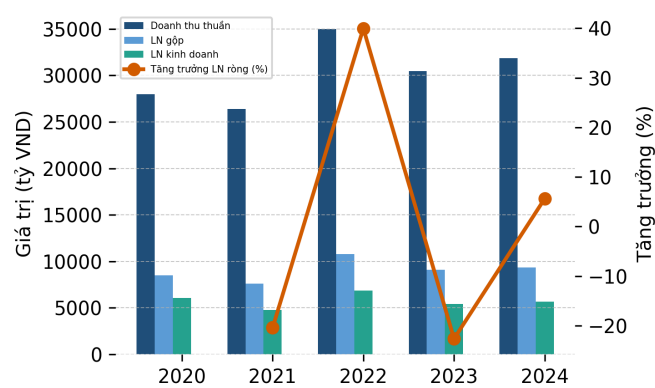
Phân tích hoạt động kinh doanh và chỉ số tài chính

	2020	2021	2022	2023	2024
Biên LN ròng (%)	17.66	14.9	15.72	13.97	14.1
Biên EBITDA (%)	8.62	2.5	4.22	0.16	2.42
Biên LN gộp (%)	30.4	28.85	30.79	29.85	29.24
Biên LN hoạt động (%)	21.73	18.12	19.52	17.74	17.81
Biên LN sau thuế (%)	17.66	14.9	15.72	13.97	14.1
ROA (%)	18.03	12.89	15.96	12.49	13.44
ROE (%)	23.27	17.39	22.37	16.7	18.39
Tỷ số thanh toán hiện hành	3.77	3.15	2.92	3.23	2.9
Tỷ số thanh toán nhanh	3.49	2.92	2.68	2.95	2.67
Hệ số thanh toán lãi vay	-94.42	-97.08	-149.05	-106.59	-205.81
Tỷ số tiền mặt	0.53	0.5	0.44	0.61	0.52
Vòng quay hàng tồn kho	19.33	16.93	18.12	13.51	14.84
Hệ số vòng quay các khoản phải thu	47.32	49.82	51.23	28.64	20.91
Số ngày thu khoản phải thu	7.71	7.33	7.13	12.74	17.45
Vòng quay tổng tài sản	1.02	0.91	1.08	0.89	0.94
Tỷ số nợ trên vốn cổ phần	0.29	0.35	0.4	0.34	0.37
Tỷ số nợ trên tài sản	0.23	0.26	0.29	0.25	0.27
Đòn bẩy tài chính	1.29	1.35	1.4	1.34	1.37

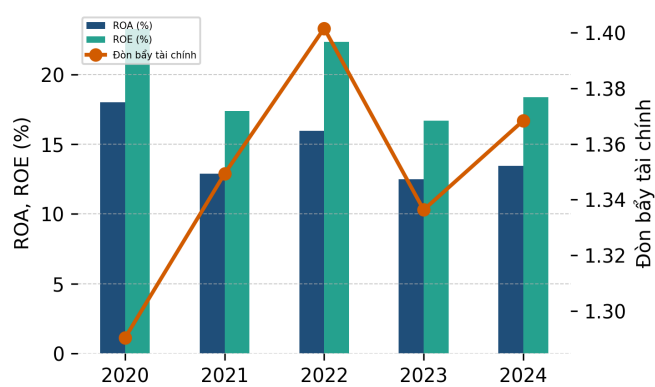
Kết quả kinh doanh



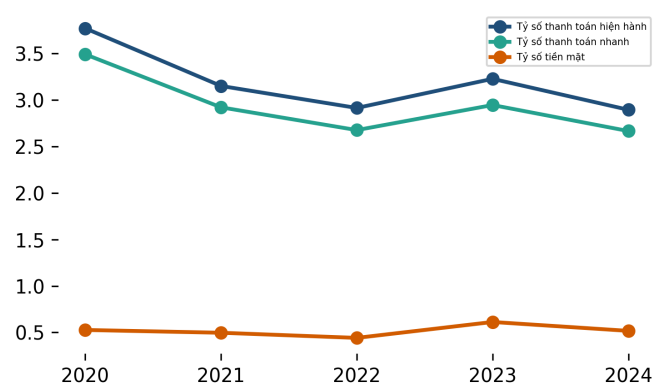
Hiệu quả kinh doanh



Khả năng sinh lợi



Khả năng thanh khoản



Dựa trên dữ liệu tài chính giai đoạn 2020-2024, báo cáo này phân tích và đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp, từ đó đưa ra nhận xét về rủi ro và triển vọng đầu tư cổ phiếu.

Đánh giá Khả năng Sinh lời (Profitability)

Các biên lợi nhuận của doanh nghiệp cho thấy xu hướng giảm nhẹ trong giai đoạn 2020-2024. Biên lợi nhuận ròng giảm từ 17.66% xuống 14.10%, biên EBITDA giảm mạnh từ 8.62% xuống chỉ còn 2.42%. Biên lợi nhuận gộp duy trì tương đối ổn định, dao động quanh mức 30%, cho thấy doanh nghiệp có khả năng kiểm soát chi phí sản xuất tốt. Tuy nhiên, biên lợi nhuận hoạt động giảm từ 21.73% xuống 17.81%, cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi có dấu hiệu suy giảm. Sự sụt giảm của biên EBITDA cho thấy doanh nghiệp có thể đang gặp khó khăn trong việc kiểm soát chi phí hoạt động hoặc doanh thu không tăng trưởng đủ mạnh để bù đắp chi phí.

Tỷ suất sinh lời ROA giảm từ 18.03% xuống 13.44%, trong khi ROE giảm từ 23.27% xuống 18.39%. Điều này cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp đã giảm sút. Mặc dù ROA và ROE vẫn ở mức khá, xu hướng giảm có thể là dấu hiệu cảnh báo về khả năng sinh lời trong tương lai.

Đánh giá Khả năng Thanh toán và Quản lý Nợ (Liquidity & Debt Management)

Các chỉ số thanh toán của doanh nghiệp vẫn ở mức tốt, nhưng có xu hướng giảm. Tỷ số thanh toán hiện hành giảm từ 3.77 xuống 2.90, tỷ số thanh toán nhanh giảm từ 3.49 xuống 2.67, và tỷ số tiền mặt giảm nhẹ từ 0.53 xuống 0.52. Mặc dù vẫn cao hơn 1, cho thấy doanh nghiệp có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, xu hướng giảm có thể gây áp lực lên khả năng thanh toán nếu có biến động bất lợi.

Hệ số thanh toán lãi vay âm trong cả giai đoạn, cho thấy doanh nghiệp không tạo ra đủ lợi nhuận để trang trải chi phí lãi vay. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng giá trị âm rất lớn của hệ số này có thể là do chi phí lãi vay không đáng kể hoặc do cách tính toán đặc thù của doanh nghiệp.

Tỷ số nợ trên vốn cổ phần tăng từ 0.29 lên 0.37, và tỷ số nợ trên tài sản tăng từ 0.23 lên 0.27. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang sử dụng nợ nhiều hơn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh. Mặc dù tỷ lệ nợ vẫn ở mức chấp nhận được, việc tăng lên có thể làm tăng rủi ro tài chính. Đòn bẩy tài chính tăng từ 1.29 lên 1.37, cho thấy doanh nghiệp đang sử dụng nợ để khuếch đại lợi nhuận, nhưng cũng làm tăng rủi ro khi lợi nhuận giảm.

Phân tích Hiệu quả Tài sản và Vòng quay (Efficiency)

Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 19.33 xuống 14.84, cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc bán hàng tồn kho. Vòng quay các khoản phải thu giảm mạnh từ 47.32 xuống 20.91, dẫn đến số ngày thu khoản phải thu tăng từ 7.71 ngày lên 17.45 ngày. Điều này cho thấy doanh nghiệp có thể đang nói lỏng chính sách tín dụng để tăng doanh số, nhưng cũng làm tăng rủi ro nợ xấu. Vòng quay tổng tài sản giảm từ 1.02 xuống 0.94, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu giảm sút.

Nhận xét về Triển vọng Cổ phiếu

Dựa trên các phân tích trên, triển vọng đầu tư vào cổ phiếu của doanh nghiệp này có phần rủi ro. Mặc dù doanh nghiệp vẫn có khả năng sinh lời và thanh toán nợ, các chỉ số tài chính cho thấy xu hướng suy giảm trong giai đoạn 2020-2024.

Ngắn hạn: Cổ phiếu có thể không hấp dẫn do các chỉ số tài chính suy giảm và rủi ro nợ tăng lên. Nhà đầu tư nên thận trọng và theo dõi sát sao tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Dài hạn: Triển vọng dài hạn phụ thuộc vào khả năng của doanh nghiệp trong việc cải thiện hiệu quả hoạt động, kiểm soát chi phí, và quản lý nợ. Nếu doanh nghiệp có thể đảo ngược xu hướng suy giảm và cải thiện các chỉ số tài chính, cổ phiếu có thể trở nên hấp dẫn hơn.

Nhà đầu tư nên xem xét kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro và tiềm năng tăng trưởng của doanh nghiệp trước khi đưa ra quyết định đầu tư. Cần lưu ý rằng báo cáo này chỉ dựa trên dữ liệu tài chính đã cung cấp và không bao gồm các yếu tố định tính khác có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu.